

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 06 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Thùy.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST-DS ngày 14/05/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị K, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Võ Thế Thanh Q, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trương Thị K, trình bày:

Chị và anh Võ Thế Thanh Q quen biết, tự nguyện tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29 tháng 09 năm 2017.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở Thôn Đ, xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, hiện hai vợ chồng anh Q và chị K đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Q không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, sống không có trách nhiệm với con cái, không tôn trọng chị K và gia đình chị. Chị K đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Q không thay đổi. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Thế Thanh Q.

Về con chung: Chị K trình bày chị và anh Q có 01 con chung tên là Võ Thanh Vi, sinh ngày: 16/02/2020. Hiện nay cháu V đang sống chung với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V; chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trình bày, ý kiến của anh Võ Thế Thanh Q:* Bị đơn anh Võ Thế Thanh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh Quang không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản xác minh ngày 18/12/2020 về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện sống và sinh hoạt của anh Q và chị K:* Qua xác minh tại thôn Đ, xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, Trưởng thôn Đ, xã M là ông Trần Đình Trung cho biết ông không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Trương Thị K và anh Võ Thế Thanh Q vì ông không nghe chị K hay anh Q báo với thôn về mâu thuẫn cũng như có đơn thư nhờ chính quyền thôn can thiệp nên về trường hợp này phía địa phương không rõ.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị K. Đối với con chung là cháu tên Võ Thanh V, sinh ngày: 16/02/2020. Hiện nay cháu V đang sống chung với chị K. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: chị K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Võ Thế Thanh Q hiện tại có chỗ ở tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Võ Thế Thanh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 51/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2020; Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ 06/TB-TA ngày 04/01/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 07 /TB-TA ngày 04/01/2021; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 15/TB-TA ngày 08/01/2021; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 29/TB-TA ngày 25/02/2021; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số: 122/2021/QĐST-DS ngày 03/04/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 16/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST-DS ngày 14/05/2021, nhưng anh Q không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, chị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Thế Thanh Q và chị Trương Thị K là phù hợp quy định pháp luật.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị K và anh Võ Thế Thanh Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Q là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị K và anh Q có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh Q không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, sống không có trách nhiệm với con cái, không tôn trọng chị K và gia đình chị. Trong quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị K và anh Q đoàn tụ, nhưng anh Q không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh Q không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của chị K là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị K, cho chị Trương Thị K được ly hôn với anh Võ Thế Thanh Q là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh Q có 01 con chung tên là Võ Thanh V, sinh ngày: 16/02/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu V hiện đang được chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V còn anh Q không có lời khai nên không xác định được ý kiến của anh Q có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con hay không. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu V, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị K, giao cháu V cho chị Trương Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Q vắng mặt nên không có ý kiến.

Về nợ chung: Chị K trình bày không có, anh Q vắng mặt nên không có ý kiến.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Trương Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị K; chị Trương Thị K được ly hôn với anh Võ Thế Thanh Q.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Võ Thanh V, sinh ngày: 16/02/2020 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Thế Thanh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị K và anh Q có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trương Thị K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005648 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị K và anh Võ Thế Thanh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã M, huyện TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thanh Hòa**